

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 215/2019/DS-PT

Ngày 05/11/2019

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 163/TBTL-TA ngày 08/4/2019 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1401/2019/QĐ-PT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đình R, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Nhà số 60, đường T, phường T1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Đình D, sinh năm 1960, có mặt;

2.2. Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1962, vắng mặt. Bà Đ ủy quyền cho ông D tại Giấy ủy quyền ngày 17/12/2018 có chứng nhận của Công chứng tại Hoa Kỳ.

Ông D và bà Đ cùng địa chỉ: Boston, MA 02124 USA.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Đình Đ1 (D1 Đình Vu), sinh năm 1947; địa chỉ: MD 20706 USA, vắng mặt.

3.2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Nhà số 62/24/19 đường Đ2, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3.3. Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1955; địa chỉ: Nhà số 42A đường L2, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3.4. Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1965; địa chỉ: Nhà số 61 đường T2, phường P1, thành phố N, Khánh Hòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Vũ Đình D - Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Vũ Đình R trình bày:*

Cha mẹ Ông là vợ chồng cụ Vũ Đình H, cụ Vũ Thị H1 không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 07 người con chung gồm ông Vũ Đình Đ1 (D1 Đình Vu, sinh 1947), bà Vũ Thị L (sinh 1952), bà Vũ Thị L1 (sinh 1955), ông là Vũ Đình R (sinh 1958), ông Vũ Đình D (sinh 1960), bà Vũ Thị Đ (sinh 1962) và bà Vũ Thị Q (sinh 1965). Nhà đất tại số 60 đường T, thành phố N hiện nay Ông đang quản lý sử dụng là tài sản do cha mẹ Ông tạo lập, để lại; hiện trạng nhà đất từ lúc cha mẹ tạo lập đến nay không có gì thay đổi. Ngày 24/9/2001 cha mẹ Ông lập **Giấy di chúc**, được Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố N chứng thực với nội dung sau khi cha mẹ chết, nhà đất tại 60 Đường T sẽ chia 08 phần bằng nhau, 07 người con mỗi người nhận một phần, phần còn lại giao cho con trai trưởng là ông Vũ Đình Đ1 lo việc cúng giỗ hàng năm. Bản chính **Giấy di chúc** và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông Vũ Đình Đ1 đang giữ nên nay Ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà đất tại số 60 đường T, thành phố N theo Di chúc của cha mẹ Ông lập ngày 24/9/2001, Ông xin nhận hiện vật chung với bà L và thanh toán kỹ phần cho các thừa kế khác.

- *Bị đơn là ông Vũ Đình D, và bà Vũ Thị Đ hiện định cư tại Hoa Kỳ không có ý kiến phản hồi.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Vũ Đình R), bà L xin nhận hiện vật cùng ông R và thanh toán kỹ phần thừa kế bằng tiền cho những người thừa kế khác.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L1 và bà Vũ Thị Q thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông R, hai Bà xin nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đình Đ1 đồng ý chia di sản của cha mẹ là nhà đất tại 60 Đường T, thành phố N theo Di chúc, xin nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền. Hiện nay ông Đ1 đang giữ bản chính **Giấy di chúc** và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông Đ1.*

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:*

Căn cứ Điều 684 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình R về chia theo di chúc di sản của ông Vũ Đình H và bà Vũ Thị H1 đối với nhà, đất tại số 60, đường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là thừa đất số 18 tờ bản đồ số 07 (8D-II-B-a), diện tích 56,4m² và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1373/29 ngày 13/8/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Vũ Đình H và bà Vũ Thị H1.

2. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L được sở hữu chung theo phần toàn bộ nhà, đất được nêu tại Mục 1 phần quyết định, trong đó, phần quyền tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung là 1/2 tài sản.

3. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L phải liên đới thanh toán cho các ông, bà Vũ Thị L1, Vũ Đình D, Vũ Thị Đ và Vũ Thị Q mỗi người 337.240.400đ giá trị phần thừa kế họ được hưởng, trong đó, phần trách nhiệm thanh toán của ông R và bà L là bằng nhau.

4. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L phải liên đới thanh toán cho ông Vũ Đình Đ1 674.480.800đ giá trị phần thừa kế ông Đ1 được hưởng, trong đó, phần trách nhiệm thanh toán của ông R và bà L là bằng nhau.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các ông, bà Vũ Đình R, Vũ Thị L, Vũ Thị L1, Vũ Đình D, Vũ Thị Đ và Vũ Thị Q mỗi người phải chịu 16.862.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Đình Đ1 (D1 Đình Vu) phải chịu 30.979.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Đình D (còn là đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Đ) kháng cáo không đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền mà đề nghị cho ông D, bà Đ nhận thừa kế bằng hiện vật chung với ông R và bà L để có nơi đi về thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn là ông R đề nghị y án sơ thẩm;

- Bị đơn là ông D (đại diện cho bà Đ) giữ nguyên kháng cáo đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, đồng thời còn đề nghị: (i). Ông và bà Đ định cư tại Hoa Kỳ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt Ông là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của Ông và bà Đ; (ii). Đề nghị Tòa án không chia thừa kế cho bà Vũ Thị L1 vì bà L1 đã được cha mẹ khi còn sống cho tiền mua nhà ở nơi khác; (iii). Ông R quản lý nhà đất của cha mẹ để lại hưởng tiền thuê nhà nhiều năm, do đó, đề nghị Tòa án buộc ông R khai rõ số tiền đã cho thuê nhà để chia thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có ông Vũ Đình Đ1, ông Võ Đình D và bà Võ Thị Đ định cư tại Hoa Kỳ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 18/4/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã phát hành các Văn bản số 509/TA-DS, 510/TA-DS gửi ông Vu Đình D, bà Vũ Thị Đ và ông yêu cầu trả lời một số nội dung liên quan đến tranh chấp trong vụ án, đồng thời cùng ngày 18/4/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Văn bản số 511/TA-DS, 512/TA-DS gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đề nghị tổng đạt, thông báo và tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ (bút lục 47-50). Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã gửi thông báo cho các đương sự theo địa chỉ trong hồ sơ ủy thác cho các Ông Bà, đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở Đại sứ quán và thông báo cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (bút lục 56-58). Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhận được Văn bản đề ngày 30/7/2018 của ông Vũ Đình Đ1 gửi từ Hoa Kỳ trả lời các câu hỏi của Tòa án liên quan đến tranh chấp (bl 45, 100). Xét thấy, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật về tổng đạt, thông báo và tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án đang định cư tại Hoa Kỳ và ông Vũ Đình Đ1 đã có ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử vắng mặt ông Vũ Đình D và bà Vũ Thị Đ là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D về vấn đề này.

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện thủ tục tổng đạt bản án sơ thẩm cho ông Vũ Đình D và bà Vũ Thị Đ định cư tại Hoa Kỳ, ngay sau khi nhận được bản án sơ thẩm thì ngày 21/12/2018 ông D (còn đại diện theo ủy quyền cho bà Đ) có Đơn kháng cáo là trong hạn 15 ngày kháng cáo theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà Vũ Thị Q vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị Đ ủy quyền cho ông Vũ Đình D tham gia tố tụng, ông Vũ Đình Đ1 đã có văn bản trình bày ý kiến gửi về từ Hoa Kỳ và không tham gia tố tụng từ cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những người này.

Về nội dung:

[3]. Nhà đất tại địa chỉ 60 đường T, thành phố N là tài sản do vợ chồng cụ ông Vũ Đình H, cụ bà Vũ Thị H1 tạo lập, hai cụ được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* (số vào sổ 1373/29) ngày 13/8/2002. Ngày 24/9/2001, vợ chồng cụ Vũ Đình H lập ***Giấy di chúc*** (được Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố N chứng thực) thể hiện ý chí của hai cụ là sau khi hai cụ chết nhà đất chia thành 08 phần bằng nhau, 07 người con mỗi người nhận một phần, phần còn lại giao cho con trai trưởng là ông Vũ Đình Đ1 lo việc cúng giỗ hàng năm. Cụ ông Vũ Đình H chết năm 2007, cụ bà Vũ Thị H1 chết năm 2010; nhà đất hiện nay do ông Vũ Đình R quản lý, sử

dụng, *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* do ông Vũ Đình Đ1 giữ.

[4]. Xét ***Giấy di chúc*** do vợ chồng cụ ông Vũ Đình H, cụ bà Vũ Thị H1 lập ngày 24/9/2001 là hợp pháp, không có tranh chấp và nội dung ***Giấy di chúc*** thể hiện vợ chồng cụ H chỉ định con trai trưởng là ông Vũ Đình Đ1 có trách nhiệm quản lý di sản thờ cúng nên hai cụ cho ông Đ1 được hưởng thêm 01 kỷ phần thừa kế. Xét, diện tích đất tại địa chỉ 60 Đường T chỉ có 56,4m²; vợ chồng cụ H có 7 người con chung thì 3 người gồm ông Đ1, bà L1 và bà Q có nguyện vọng nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền, giao hiện vật (di sản cha mẹ để lại) cho ông R và bà L quản lý để thờ cúng cha mẹ. Ông R và bà L thống nhất với nguyện vọng của ông Đ1, bà L1 và bà Q; như vậy 5 trên 7 người con của vợ chồng cụ H thống nhất cao (trong đó có ông Đ1 là con trai trưởng) giao hiện vật cho ông R, bà L quản lý thờ cúng cha mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất cho ông R và bà L quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm thờ cúng tổ tiên là phù hợp quy định của pháp luật vì diện tích đất nhỏ, phù hợp với ý kiến của đa số thừa kế và phù hợp với phong tục của người Việt Nam nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà Đ khi mà họ đều định cư tại Hoa Kỳ nhưng có yêu cầu được nhận hiện vật chung với ông R, bà L để cùng chung thờ cúng tổ tiên. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung ***Giấy di chúc*** do vợ chồng cụ ông Vũ Đình H, cụ bà Vũ Thị H1 lập ngày 24/9/200, căn cứ Kết quả định giá tài sản ngày 10/8/2018 để chia thừa kế là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5]. Đối với đề nghị của ông D tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu Tòa án không chia thừa kế nhà đất tại 60 Đường T cho bà Vũ Thị L1 vì bà L1 đã được cha mẹ cho tiền mua nhà nơi khác khi hai cụ còn sống là không có cơ sở vì trái với ý chí của vợ chồng cụ H tại ***Giấy di chúc*** lập ngày 24/9/200 nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận. Đối với đề nghị của ông D tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu Tòa án buộc ông R khai báo rõ số tiền cho thuê nhà 60 Đường T để chia thừa kế thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy phạm vi giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” được thụ lý, giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Đình R và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tiền cho thuê nhà bằng vụ án khác nếu có cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

[6]. Ông Vũ Đình D, bà Vũ Thị Đ kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 684 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình R về chia theo di chúc di sản của vợ chồng cụ ông Vũ Đình H và cụ bà Vũ Thị H1 đối với nhà, đất tại số 60, đường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là thửa đất số 18 tờ bản đồ số 07 (8D-II-B-a), diện tích 56,4m² và nhà xây trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1373/29 ngày 13/8/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Vũ Đình H và bà Vũ Thị H1.

2. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L được sở hữu chung theo phần toàn bộ nhà, đất được nêu tại Mục 1 phần quyết định, trong đó, phần quyền tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung là 1/2 tài sản.

3. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L phải liên đới thanh toán cho các ông, bà Vũ Thị L1, Vũ Đình D, Vũ Thị Đ và Vũ Thị Q mỗi người 337.240.400 đồng giá trị phần thừa kế họ được hưởng, trong đó, phần trách nhiệm thanh toán của ông R và bà L là bằng nhau.

4. Ông Vũ Đình R và bà Vũ Thị L phải liên đới thanh toán cho ông Vũ Đình Đ1 674.480.800 đồng giá trị phần thừa kế ông Đ1 được hưởng, trong đó, phần trách nhiệm thanh toán của ông R và bà L là bằng nhau.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các ông, bà Vũ Đình R, Vũ Thị L, Vũ Thị L1, Vũ Đình D, Vũ Thị Đ và Vũ Thị Q mỗi người phải chịu 16.862.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Đình Đ1 (D1 Đình Vu) phải chịu 30.979.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Đình D và bà Vũ Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Vũ Đình D đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0000751 ngày 24/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa thì ông D, bà Đ đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế Tòa án nhân dân tối cao
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân

